

BẢN SAO

Báo cáo Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỒ BÓN

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(Đã được kiểm toán)

587

02

100

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11-39

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn tiền thân là Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn – NEDI3 được thành lập theo Công văn số 47/CV-NEDI3-KHĐT ngày 03/07/2007 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 3 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 1603000107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 02/08/2007. Mã số doanh nghiệp được thay đổi thành 5200277382 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần đầu ngày 10 tháng 09 năm 2008.

Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ sáu ngày 25 tháng 07 năm 2016. Theo đó, mã số doanh nghiệp (MSDN) được thay đổi thành 5200277382 sau khi sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển điện miền Bắc 1 (MSDN 0101441307).

Vốn điều lệ của Công ty là 235.396.200.000 VND.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo tài chính gồm:

Ông Nguyễn Duy Mạnh Hùng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26/08/2016
Ông Nguyễn Văn Chiến	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26/08/2016
Ông Vũ Mạnh Hùng	Ủy viên	
Ông Lê Hữu Số	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26/08/2016
Ông Hà Huy Tâm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26/08/2016

Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo tài chính gồm:

Ông Vũ Mạnh Hùng	Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Ngọc	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26/08/2016
Bà Phạm Thị Trang	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26/08/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;

Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bản
Xã Hồ Bản – Huyện Mù Cang Chải – Tỉnh Yên Bái

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Mạnh Hùng
Giám đốc



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Minh Hải

Yên Bái, ngày 22 tháng 02 năm 2017

Số: 206/2017/BC.KTTC-AASC.DTNN2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn, được trình bày từ trang 07 đến 39 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán Ngoại trừ

Công trình Thủy điện Hồ Bốn được đưa vào sử dụng và tăng tài sản từ năm 2010 và đang trong giai đoạn quyết toán nhưng chi phí phát sinh liên quan đến công trình được tập hợp trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" số tiền 9.077.609.674 VND (Thuyết minh 10i) chưa có đầy đủ tài liệu phù hợp để quyết toán; và

Chúng tôi cũng chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp cho số dư các khoản công nợ từ Nedi 1 chuyển sang tại ngày 31/12/2016 bao gồm i) công nợ phải thu "Trả trước cho người bán ngắn hạn" (Thuyết minh số 5), và Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6); và ii) công nợ phải trả gồm "Phải trả người bán ngắn hạn" (Thuyết minh 13), và "Các khoản phải trả khác" (Thuyết minh 16).

Do ảnh hưởng của những vấn đề trình bày ở trên, chúng tôi không trình bày ý kiến về các khoản mục này trong Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2016.

Ý kiến kiểm toán Ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề và ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

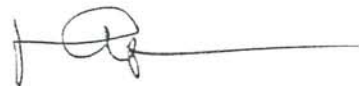
Không phủ nhận các ý kiến nêu trên chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến các điểm sau:

- Thủ tục kiểm toán đã được chúng tôi thực hiện trong kỳ chỉ nhằm mục đích đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn mà không bao gồm các thủ tục kiểm toán theo yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 1000 - Kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành. Do đó, số liệu liên quan tới khoản mục "Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang" trình bày ở Thuyết minh 10 có thể thay đổi sau khi được kiểm toán theo các quy định của Nhà nước về quyết toán dự án đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành; và
- Thuyết minh 9 đối với Dự án Nhà máy thủy điện Hồ Hô, trong đó chi phí lãi vay 81,57 tỷ VND phát sinh từ gốc vay giải ngân trước tháng 4 năm 2010 là thời điểm Nhà máy phát điện lần đầu tiên, trong kì tính lãi từ tháng 5 năm 2010 tới tháng 12 năm 2012 được trình bày là chi phí xây dựng cơ bản dở dang và đã được phản ánh vào nguyên giá tài sản cố định tạm tăng. Tuy nhiên giá trị này cũng có thể thay đổi theo kết quả phê duyệt báo cáo quyết toán dự án đầu tư hoàn thành; và
- Chi phí lãi vay phải trả Công ty Cổ phần Da Giày và Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Minh phát sinh từ năm 2009 chưa được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của Công ty lũy kế đến ngày 31/12/2016 là 833.292.466 VND; và
- Trong năm Công ty đã trích khấu hao nhanh một số tài sản cố định sau khi xem xét lại thời gian sử dụng hữu ích kỹ thuật của một số tài sản theo "Báo cáo đánh giá hiện trạng các hạng mục công trình" ngày 05/01/2016 của phòng Quản lý xây dựng Công ty và Quyết định số 26/QĐ-HB-TCHC ngày 10/01/2016 của Giám đốc Công ty phê duyệt về việc thay đổi thời gian trích khấu hao, điều này dẫn đến chi phí khấu hao tăng thêm trong năm nay (so với năm trước) là 20.248.705.244 VND; và
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện miền Bắc 1 đã chính thức sáp nhập vào Công ty Cổ phần thủy điện Hồ Bốn kể từ ngày 25/07/2016 theo hợp đồng sáp nhập số 09/2016/HĐSN-HB-Nedi1 ngày 01/07/2016 giữa hai bên và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 6 của Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn ngày 25/07/2016. Số liệu sáp nhập này được trình bày ở các Thuyết minh có liên quan trong Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH
Hãng kiểm toán AASC**



Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2013-002-1/KTV



Nguyễn Phạm Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2893-2015-002-1/KTV

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		41.300.612.431	13.577.435.213
110	I. Tiền và các khoản tương đương	3	1.297.444.691	3.472.643.799
111	1. Tiền		1.297.444.691	1.472.643.799
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	2.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		37.264.022.244	10.041.668.940
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	15.674.404.221	9.143.586.840
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	6.222.304.362	525.018.000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	6	14.946.503.289	373.064.100
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý	7	420.810.372	-
140	IV. Hàng tồn kho	8	2.248.247.510	63.122.474
141	1. Hàng tồn kho		2.248.247.510	63.122.474
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		490.897.986	-
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	280.898.982	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		209.999.004	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		829.793.886.795	403.775.238.274
220	II. Tài sản cố định		815.550.349.226	356.505.519.383
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	815.550.349.226	356.505.519.383
222	- Nguyên giá		1.047.313.381.418	439.193.458.281
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(231.763.032.192)	(82.687.938.898)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		14.243.537.569	47.156.778.663
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	14.243.537.569	47.156.778.663
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-	112.940.228
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	-	112.940.228
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		871.094.499.226	417.352.673.487

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		613.184.718.657	270.181.074.874
310	I. Nợ ngắn hạn		64.103.584.785	21.139.278.653
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	11.736.774.369	5.706.227.269
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.787.339.845	1.463.697.641
314	4. Phải trả người lao động		499.071.802	1.229.984.340
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	8.743.942.215	4.956.497.337
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	16	8.238.456.554	1.124.765.490
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	33.098.000.000	6.655.692.850
322	12. Quỹ khen thưởng phúc lợi		-	2.413.726
330	II. Nợ dài hạn		549.081.133.872	249.041.796.221
331	1. Phải trả người bán dài hạn	13	25.000.000.000	7.500.000.000
333	3. Chi phí phải trả dài hạn	15	12.000.000.000	-
337	7. Phải trả dài hạn khác	16	113.720.505.292	95.000.000
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12	398.360.628.580	241.446.796.221
400	B. NGUỒN VỐN		257.909.780.569	147.171.598.613
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	257.909.780.569	147.171.598.613
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		235.396.136.016	142.996.136.016
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		235.396.136.016	142.996.136.016
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		14.922.600.000	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.591.044.553	4.175.462.597
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	(10.966.409.633)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		7.591.044.553	15.141.872.230
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		871.094.499.226	417.352.673.487



Vũ Mạnh Hùng

Bùi Thanh Sơn
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	124.893.841.594	84.366.157.449
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		124.893.841.594	84.366.157.449
11	4. Giá vốn hàng bán	19	81.895.207.049	37.573.655.719
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		42.998.634.545	46.792.501.730
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	198.922.950	114.539.842
22	7. Chi phí tài chính	21	28.342.926.511	25.938.048.165
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		28.337.668.599	24.607.937.900
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	8.601.623.689	5.827.811.177
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.253.007.295	15.141.182.230
31	11. Thu nhập khác	23	2.011.035.323	690.000
32	12. Chi phí khác		274.200.000	-
40	13. Lợi nhuận khác		1.736.835.323	690.000
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.989.842.618	15.141.872.230
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	398.798.065	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>7.591.044.553</u>	<u>15.141.872.230</u>

Vũ Mạnh Hùng
Giám đốc

Bùi Thanh Sơn
Kế toán trưởng

Yên Bái, ngày 22 tháng 02 năm 2017


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		7.989.842.618	15.141.872.230
	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		60.099.421.435	22.843.149.711
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(13.823)	1.327.507.892
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(198.909.127)	(111.937.469)
06	Chi phí lãi vay		28.337.668.599	24.607.937.900
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		96.228.009.702	63.808.530.264
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(10.627.804.396)	187.959.404
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(998.195.596)	341.663.784
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		5.360.993.405	5.364.933.686
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(79.507.581)	186.283.863
14	Tiền lãi vay đã trả		(25.169.715.804)	(25.065.771.740)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		16.936.478	-
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.993.990.323)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		62.736.725.885	44.823.599.261
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(42.100.557.108)	(15.599.884.935)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		198.909.127	111.937.469
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(41.901.647.981)	(15.487.947.466)

SIÊU
CỔ
TRÁCH
HỮU
HÀNG
A
HOÀN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2016
(Theo phương pháp gián tiếp)
(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(19.928.828.238)	(29.311.385.700)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.081.462.597)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(23.010.290.835)	(29.311.385.700)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(2.175.212.931)	24.266.095
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		3.472.643.799	3.445.775.331
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		13.823	2.602.373
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>1.297.444.691</u>	<u>3.472.643.799</u>


Vũ Mạnh Hùng
Giám đốc


Bùi Thanh Sơn
Kế toán trưởng

Yên Bái, ngày 22 tháng 02 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn tiền thân là Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn – NEDI3 được thành lập theo Công văn số 47/CV-NEDI3-KHĐT ngày 03/07/2007 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 3 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 1603000107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 02/08/2007. Mã số doanh nghiệp được thay đổi thành 5200277382 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần đầu ngày 10/09/2008.

Theo hợp đồng sáp nhập số 09/2016/HĐSN-HB-Nedi1 ngày 01/07/2016 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện miền Bắc 1; và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 6 của Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn ngày 25/07/2016, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện miền Bắc 1 chính thức sáp nhập vào Công ty Cổ phần thủy điện Hồ Bốn kể từ ngày 25/07/2016, đồng thời chấm dứt sự tồn tại trên cơ sở chuyển thành Chi nhánh/Nhà máy trực thuộc của Công ty Cổ phần thủy điện Hồ Bốn.

Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ sáu ngày 25 tháng 07 năm 2016. Theo đó, mã số doanh nghiệp được thay đổi thành 5200277382 sau khi sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển điện miền Bắc 1 (MSDN 0101441307).

Vốn điều lệ của Công ty là 235.396.200.000 VND.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Đầu tư, xây dựng và vận hành các dự án thủy điện.

1.3 Cấu trúc Công ty

Văn phòng đại diện	Số 3 An Dương, Yên Phụ, Tây Hồ, Hà Nội
Nhà máy thủy điện Hồ Bốn	Xã Hồ Bốn, Huyện Mù Cang Chải, Tỉnh Yên Bái
Nhà máy thủy điện Hồ Hồ	Thôn Tân Ấp, Xã Hương Hóa, Huyện Tuyên Hóa, Tỉnh Quảng Bình

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng nội

quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch I;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch I tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch I nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch I nơi Công ty thường xuyên có giao dịch với tỷ giá tại ngày 31/12/2016 là 22.730 VND/USD;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch I nơi Công ty thường xuyên có giao dịch với tỷ giá tại ngày 31/12/2016 là 22.800 VND/USD.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận, khi cần thiết, là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định là Công trình thủy điện Hồ Bốn và thủy điện Hồ Hồ hiện đang trong quá trình quyết toán, khi công trình hoàn thành và đưa vào sử dụng, TSCĐ được tạm tăng theo chi phí Xây dựng cơ bản tập hợp. Nguyên giá của các TSCĐ này sẽ được điều chỉnh khi Công trình được quyết toán trong năm 2017.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 30 năm
Máy móc thiết bị	08 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 25 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

Công ty có quyền sử dụng đất của nhà máy thủy điện Hồ Bốn tại Bản Trống Là - xã Hồ Bốn - huyện Mù Cang Chải - tỉnh Yên Bái được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND tỉnh Yên Bái ngày 06/10/2010, diện tích 169.984,8 m², thời hạn sử dụng tới hết ngày 06/11/2058. Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo hợp đồng thuê đất ngày 13/12/2010 và được Sở Tài nguyên và Môi trường điều chỉnh đơn giá thuê đất 5 năm/1 lần. Hiện tại Công ty đang được hưởng ưu đãi tiền thuê đất trong vòng 15 năm đến hết ngày 06/10/2025.

Công ty có quyền sử dụng đất của nhà máy thủy điện Hồ Hồ tại xã Hương Hóa - huyện Tuyên Hóa - tỉnh Quảng Bình được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND tỉnh Quảng Bình ngày 24/03/2008 (thửa đất số 716, 717, 719 với diện tích 162.206,0 m², thửa đất số 715 với diện tích 6.576,0 m², thửa đất số 718 với diện tích 15.594,0 m²) thời hạn sử dụng tới hết ngày 07/07/2054. Công ty được miễn tiền thuê đất trong suốt thời gian thực hiện Dự án trên diện tích 184.376 m² theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 63/GCN-UB của UBND tỉnh Quảng Bình ngày 18/01/2006.

2.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là các chi phí phát sinh cho việc đầu tư xây dựng công trình thủy điện Hồ Bốn, thủy điện Hồ Hồ, thủy điện Thác Ông. Các chi phí này được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của các công trình, hạng mục công trình thuê ngoài thi công được ghi nhận khi đã có Biên bản nghiệm thu, quyết toán được duyệt từng đợt và nhà thầu đã phát hành hóa đơn tài chính.

Các khoản thu nhập phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản có liên quan trực tiếp đến dự án sẽ được giảm trừ vào giá trị xây dựng cơ bản.

2.9 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.11 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 Vay và nợ phải trả về thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính.

2.13 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

2.15 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.17 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

Chi phí đi vay vốn;

Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
Khoản phân bổ từ lỗ chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Tại Điều 7, Giấy chứng nhận đầu tư số 2363/UBND-CNĐT ngày 6/11/2008: "Doanh nghiệp được hưởng các ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật".

Theo Công văn số 2468/UBND-CN ngày 14/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc xác nhận ưu đãi đầu tư của Công ty Cổ phần thủy điện Hồ Bốn, Công ty được hưởng các ưu đãi đầu tư khi thực hiện đầu tư xây dựng công trình thủy điện Hồ Bốn tại Bản Trống Là – xã Hồ Bốn – huyện Mù Cang Chải như sau: Doanh nghiệp được miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo quy định của Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 6/12/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành thuế TNDN. Thời gian miễn giảm cụ thể do Doanh nghiệp tự xác định và đăng ký với cơ quan quản lý thuế.

Theo mẫu số 03-3A/TNDN – Phụ lục Thuế TNDN được ưu đãi, Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ năm 2013 và giảm 50% số thuế phải nộp 7 năm kể từ năm 2017.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 63/GCN-UB ngày 18 tháng 1 năm 2006 do UBND tỉnh Quảng Bình cấp, Dự án Thủy điện Hồ Hồ được hưởng các chính sách ưu đãi gồm:

- Miễn tiền thuê đất trong suốt thời gian thực hiện dự án trên diện tích đất 184.376 m²;
- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số phải nộp trong 09 năm tiếp theo do dự án đầu tư đem lại;
- Được miễn thuế nhập khẩu thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dụng trong dây chuyền công nghệ mà trong nước chưa sản xuất được tạo thành tài sản cố định trong danh mục được chấp thuận;
- Được hưởng các ưu đãi khác theo chính sách thu hút đầu tư của tỉnh Quảng Bình quy định tại Quyết định số 22/2004/QĐ-UB ngày 30/04/2004.

2.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm: các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết; các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này; các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	123.011.101	485.765.002
Tiền gửi ngân hàng	1.174.433.590	986.878.797
Các khoản tương đương tiền	-	2.000.000.000
<i>Tiền gửi kỳ hạn 2 tháng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Từ Liêm</i>	-	2.000.000.000
	<u>1.297.444.691</u>	<u>3.472.643.799</u>

4. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tổng công ty Điện lực Miền Bắc (NPC) - Tiền bán điện	15.674.404.221	9.143.586.840
	<u>15.674.404.221</u>	<u>9.143.586.840</u>

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trung tâm công nghệ Tài Nguyên và Môi trường Tỉnh Yên Bái	-	100.000.000
Công ty tư vấn và dịch vụ Đầu tư (INFISCO)	397.058.000	397.058.000
Công ty tư vấn XD thủy lợi I	27.960.000	27.960.000
Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	-	-
Công nợ từ NEDI 1 chuyển sang:	5.797.286.362	-
- Công ty Cổ phần vận tải thương mại Hoàng Đạo	38.500.000	-
- Công ty Cổ phần thiết bị thủy lợi	9.561.540	-
- Công ty Cổ phần VN Xây dựng	86.598.548	-
- Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế	320.000.000	-
- Trung tâm phát triển quỹ đất Huyện Tuyên Hóa	26.000.000	-
- Hội đồng đền bù GPMB huyện Hương Khê	289.000.000	-
- Công ty CP xây lắp và thương mại Đoàn Tiến	70.000.000	-
- Công ty CP tư vấn và XD công trình thủy lợi	120.000.000	-
- DNTN Hoàn Sơn	100.000.000	-
- Công ty Cổ phần TVTK và ĐTXD Đông Thịnh	85.150.000	-
- Văn phòng TVTĐTK & Giám định chất lượng công trình	2.448.958	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 864	92.000.000	-
- Xí nghiệp XD tổng hợp Thạch Ngọc	1.188.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Bắc Hà	11.605.555	-
- Viện khoa học thủy lợi	84.463.000	-
- Công ty TNHH TM Tổng hợp Phượng Hồng	13.695.000	-
- Xí nghiệp tư vấn địa kỹ thuật	1.386.000.000	-
- Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Hương Khê	35.000.000	-
- Công ty CP Lũng Lô 2	588.934.446	-
- Công ty CP Tân Hoàn Cầu	577.787.999	-
- Công ty TNHH xây dựng Hoàng Ngọc	29.380.000	-
- Cty TNHH Hệ thống điện Việt Nam	68.200.000	-
- Trung tâm tư vấn triển khai công nghệ năng lượng	15.000.000	-
- Công ty CP Xây dựng và Thương mại 1.5	475.000.000	-
- Khác	84.961.316	-
	6.222.304.362	525.018.000

6. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn - Thuế TNCN	18.386.236	2.585.147
BIDV Từ Liêm - Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	10.511.111
Tạm ứng	41.404.141	359.967.842
Khác	6.086.274	-
Công nợ từ NEDI 1 chuyển sang:	14.880.626.638	-
- Chi phí khắc phục lũ lụt chờ xử lý	72.376.267	-
- Chi phí khắc phục sau lũ 2010	23.790.000	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Pay (i)	242.702.664	-
- Phải thu khác của cá nhân (ii)	5.110.225.216	-
- Công ty China National Electric (CNE) Trung Quốc (iii)	2.382.117.880	-
- Hội đồng đền bù Giải phóng mặt bằng	4.539.612.000	-
- Tạm ứng	1.511.144.267	-
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	851.757.652	-
- Phải thu khác	146.900.692	-
	14.946.503.289	373.064.100

- (i) Giá trị sau khi bù trừ giữa số liệu phải thu khi chuyển nhượng dự án liên quan đến phần đã thanh toán cho nhà thầu, chi phí quản lý phân bổ cho dự án và số tiền đã thu hồi, vay mượn của Công ty này.
- (ii) Các khoản tạm ứng phục vụ vận hành nhà máy Hồ Hồ cũng như thi công, khắc phục bão lũ chưa có đầy đủ hồ sơ hoàn ứng hoặc đang chờ phê duyệt quyết toán.
- (iii) Mua vật tư của Công ty Cổ phần CNM Minh Thành phục vụ cho hạng mục công trình Thủy điện Hồ Hồ do công ty CNE thực hiện tuy nhiên chưa có tài liệu xác nhận của Công ty China National Electric (CNE) Trung Quốc.

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

Tài sản thiếu chờ xử lý số tiền 420.810.372 VND là khoản chênh lệch nhỏ hơn giữa số dư tiền mặt thực tế tồn quỹ và số liệu sổ sách được phát hiện tại thời điểm bàn giao công việc kế toán tổng hợp giữa bà Trần Thị Mỹ Thoa và bà Nhâm Thị Thu Hiền bàn giao từ NEDI 1 sau sáp nhập. Hiện tại, Công ty vẫn chưa có quyết định xử lý đối với khoản chênh lệch này.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	2.240.723.110	-	57.337.474	-
Công cụ dụng cụ	7.524.400	-	5.785.000	-
	2.248.247.510	-	63.122.474	-

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận	Thiết bị,	Tổng
	vật kiến trúc	VND	tải, truyền dẫn	dụng cụ quản lý	
Tại ngày 01/01/2016	319.300.728.913	93.808.354.843	26.084.374.525	-	439.193.458.281
Số tăng trong kỳ	405.162.867.247	192.874.491.236	7.806.617.058	2.284.685.705	608.128.661.246
Nhận bàn giao sau sáp nhập	323.840.093.701	162.804.077.074	817.767.696	2.105.279.761	489.567.218.232
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	35.701.761.964	17.343.613.792	6.604.018.984	-	59.649.394.740
Đánh giá lại tài sản (*)	45.621.011.582	12.726.800.370	384.830.378	179.405.944	58.912.048.274
Số giảm trong kỳ	5.377.000	3.361.109	-	-	8.738.109
Đánh giá lại tài sản (*)	-	3.361.109	-	-	3.361.109
Giảm khác	5.377.000	-	-	-	5.377.000
Tại ngày 31/12/2016	724.458.219.160	286.679.484.970	33.890.991.583	2.284.685.705	1.047.313.381.418
Hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2016	43.262.080.965	33.757.107.376	5.668.750.557	-	82.687.938.898
Số tăng trong kỳ	78.056.284.522	65.829.934.268	3.600.145.729	1.588.728.775	149.075.093.294
Nhận bàn giao sau sáp nhập	38.101.379.046	48.776.131.685	817.767.696	1.280.393.432	88.975.671.859
Khấu hao trong kỳ	39.954.905.476	17.053.802.583	2.782.378.033	308.335.343	60.099.421.435
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	121.318.365.487	99.587.041.644	9.268.896.286	1.588.728.775	231.763.032.192
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2016	276.038.647.948	60.051.247.467	20.415.623.968	-	356.505.519.383
Tại ngày 31/12/2016	603.139.853.673	187.092.443.326	24.622.095.297	695.956.930	815.550.349.226

(*) Tài sản được sáp nhập theo Báo cáo kết quả định giá NEDI 1 số 16041401/BCTV/KT1/ATC ngày 14/04/2016 của Công ty TNHH Hãng kiểm toán và định giá ATC

- Toàn bộ giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số 03/2006/HĐTĐ-DH và tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch I theo Hợp đồng tín dụng số 01/2007/NEDI3 SGD/HĐTĐ (Thuyết minh 12).
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.307.825.615 VND.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Dự án Thủy điện Hồ Hồ (i)	9.077.609.674	-
Chi phí xây dựng	8.407.481.931	-
Chi phí lắp đặt thiết bị	168.054.537	-
Chi phí tư vấn	502.073.206	-
Dự án Thủy điện Hồ Bốn	3.885.386.495	47.152.953.663
Chi phí xây dựng	-	22.302.750.822
Chi phí lắp đặt thiết bị	1.887.376.000	9.347.725.399
Chi phí tư vấn	1.355.145.406	162.777.276
Chi phí khác	642.865.089	15.339.700.166
- Chi phí chuẩn bị sản xuất	-	118.800.000
- Chi phí đi vay	-	11.631.153.507
- Chi phí ban quản lý dự án	-	2.618.630.684
- Chi phí khác	642.865.089	971.115.975
Dự án Thủy điện Nậm Cắn (ii)	1.276.716.400	-
Chi phí tư vấn	1.276.716.400	-
Dự án Thủy điện Thác Ông	3.825.000	3.825.000
Chi phí khác	3.825.000	3.825.000
- Chi phí chuẩn bị sản xuất	3.825.000	3.825.000
	14.243.537.569	47.156.778.663

- (i) Dự án Thủy điện Hồ Hồ được thực hiện trên địa bàn hai tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh khởi công từ tháng 5/2004. Theo Quyết định điều chỉnh tổng dự toán (lần 4) Công trình Thủy điện Hồ Hồ – tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh số 22/QĐ/NEDI1-HĐQT ngày 11/07/2012 do Hội đồng Quản trị Công ty quyết định phê duyệt, tổng dự toán công trình là 530 tỷ đồng.

Tính đến thời điểm 31/12/2016, tổng giá trị đầu tư đã tập hợp hơn 591 tỷ đồng trong đó 96 gói thầu đã được Tổng Công ty Điện lực miền Bắc thẩm tra quyết toán.

Công ty đã điều chỉnh giảm nguyên giá tài sản phù hợp với kết quả thẩm tra quyết toán của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc.

Số dư cuối kỳ đang được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến công trình Thủy điện Hồ Hồ chưa được điều chỉnh phù hợp do chưa có đủ hồ sơ liên quan.

- (ii) Chi phí đầu tư của Công trình Thủy điện Nậm Cắn là các chi phí đã phát sinh cho công tác tư vấn khảo sát thẩm định khả thi phát sinh từ năm 2005. Dự án này hiện đang tạm ngừng đầu

tư, số dư các khoản mục liên quan đến công trình này đang được trình bày tại Thuyết minh 5 (trả trước cho người bán ngắn hạn) đối với Trung tâm tư vấn triển khai công nghệ năng lượng số tiền 15.000.000 VND, Thuyết minh 13 (phải trả người bán ngắn hạn) đối với nhà thầu Công ty tư vấn xây dựng thủy lợi 1 số tiền 140.438.804 VND.

11. Chi phí trả trước

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a, Ngắn hạn	280.898.982	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	194.428.046	-
Chi phí sửa chữa, thay thế phụ tùng xe ô tô	86.470.936	-
b, Dài hạn	-	112.940.228
Chi phí phân bổ CCDC	-	66.832.160
Chi phí sửa chữa, thay thế phụ tùng xe ô tô	-	46.108.068
	<u>280.898.982</u>	<u>112.940.228</u>

12. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2016		Trong kỳ		31/12/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a, Vay ngắn hạn						
Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Minh (1)	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	6.655.692.850	6.655.692.850	38.460.948.972	13.018.641.822	32.098.000.000	32.098.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Sở giao dịch I - VND (2)	6.655.692.850	6.655.692.850	12.000.000.000	6.655.692.850	12.000.000.000	12.000.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Thăng Long - VND (3)	-	-	26.460.948.972	6.362.948.972	20.098.000.000	20.098.000.000
	6.655.692.850	6.655.692.850	39.460.948.972	13.018.641.822	33.098.000.000	33.098.000.000

NIỆM AS NIỆM 105
 NIỆM 105
 NIỆM 105
 NIỆM 105

	01/01/2016		Trong kỳ		31/12/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
b, Vay dài hạn						
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Sở giao dịch I - VND (2)	248.102.489.071	248.102.489.071	-	13.311.385.700	234.791.103.371	234.791.103.371
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Thăng Long - VND (3)	-	-	195.922.018.775	254.493.566	195.667.525.209	195.667.525.209
	248.102.489.071	248.102.489.071	195.922.018.775	13.565.879.266	430.458.628.580	430.458.628.580
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	6.655.692.850	6.655.692.850			32.098.000.000	32.098.000.000
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	241.446.796.221	241.446.796.221			398.360.628.580	398.360.628.580

(1) Được giải ngân theo Hợp đồng tín dụng số 01/09/BITEXCO-CPĐTPTĐMB1 ngày 15/05/2009 với thời hạn vay là 2 tháng và lãi suất ưu đãi 0%. Công ty đã không thanh toán được khoản vay đúng hạn theo quy định của Hợp đồng do đó hai bên đã ký 5 phụ lục điều chỉnh với nội dung liên quan đến gia hạn thời hạn vay và điều chỉnh lãi suất. Theo Phụ lục số PL5-01/09/BITEXCO-CPĐTPTĐMB1, thời hạn khoản vay được điều chỉnh từ 30/06/2010 (theo Phụ lục điều chỉnh số PL4-01/09/BITEXCO-CPĐTPTĐMB1) đến 30/09/2010 và lãi suất khoản vay là 15%/năm (Lãi suất quá hạn được áp dụng đối với cả phần gốc và lãi phát sinh không được thanh toán đúng hạn là 150% lãi suất cho vay trong kỳ - được áp dụng từ Phụ lục số PL1-01/09/BITEXCO-CPĐTPTĐMB1 ngày 15/07/2009 và không thay đổi cho các phụ lục sau đó). Tổng số dư nợ gốc vay và lãi vay chưa được thanh toán tính đến thời điểm 31/12/2016 là 1.000.000.000 VND và 4.306.592.067 VND (trong đó 819.342.123 VND đang được theo dõi trên khoản mục chi phí phải trả ngắn hạn và 3.487.249.944 VND chưa được hạch toán kế toán).

(2) Hợp đồng tín dụng số 01/2007/NEDI3 – SGD/HĐTĐ ký ngày 08 tháng 08 năm 2007 với thời hạn vay 144 tháng, điều chỉnh lãi suất 03 tháng 1 lần. Phụ lục số 22/PLHĐTĐ ngày 06/06/2016 xác định tổng giá trị khoản vay là 234.791.103.371 VNĐ. Thời hạn vay 216 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn là 42 tháng.



Khoản vay được bảo lãnh không hủy ngang của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc; và được thế chấp bằng quyền sử dụng đất, các công trình của Dự án, kể cả Nhà máy cùng với các tòa nhà, công trình xây dựng và mọi bất động sản khác của Dự án.

(3) Hợp tín dụng số 03/2006/HDDTD-DH với thời hạn vay là 144 tháng. Mục đích vay để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hồ Hô. Lãi suất vay thả nổi, điều chỉnh 03 tháng 1 lần, kỳ điều chỉnh lãi suất cố định vào ngày 10 các tháng 3, 6, 9 và 12; lãi suất áp dụng do Ngân hàng công bố vào thời điểm điều chỉnh. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào cuối năm 2009 và kỳ trả nợ gốc cuối cùng vào quý 2 năm 2018.

Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

Do gặp nhiều khó khăn trong quá trình đầu tư xây dựng Nhà máy, thời gian đầu tư kéo dài cũng như việc huy động nguồn vốn lớn để khác phục hậu quả của thiên tai, Công ty không thể thực hiện theo lịch trả nợ kèm theo hợp đồng gốc đã ký. Do đó, ngân hàng đã đồng ý cơ cấu lại nợ vay cho Công ty. Theo biên bản làm việc ngày 28/03/2014, khoản dư nợ gốc vay VND sẽ được thanh toán hết trong quý 1 năm 2025. Các khoản lãi đã và sẽ phát sinh không phải chịu lãi suất và được cơ cấu trả nợ đến hết quý 4 năm 2028.

13. Phải trả người bán

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a, Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Công nghệ thông tin điện lực Miền Bắc		-	48.968.153	48.968.153
Công ty Cổ phần Đầu tư TM & XD Giao thông I	747.457.902	747.457.902	247.457.902	247.457.902
Công ty Việt Bắc - Bộ Quốc Phòng	825.614.687	825.614.687	825.614.687	825.614.687
Công ty TNHH Trung Hương	102.786.339	102.786.339	752.786.339	752.786.339
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Long Thành	684.452.003	684.452.003	584.452.003	584.452.003
Công ty Cổ phần Công nghệ Địa vật lý	53.583.400	53.583.400	53.583.400	53.583.400
Công ty TNHH Phong Vũ	232.174.847	232.174.847	602.174.847	602.174.847
Công ty tư vấn XD thủy lợi I	238.866.115	238.866.115	238.866.115	238.866.115
Công ty tư vấn giám sát kiểm định xây dựng	73.686.250	73.686.250	73.686.250	73.686.250
Công ty Cổ phần đầu tư và Xây lắp 5	270.028.198	270.028.198	370.028.198	370.028.198
Công ty Cổ phần thiết bị thủy lợi	193.295.194	193.295.194	293.295.194	293.295.194
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	131.795.836	131.795.836	331.795.836	331.795.836
Công ty Cổ phần tập đoàn Đầu tư TM CN Việt Á	130.596.512	130.596.512	280.596.512	280.596.512
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 864 Điện lực Yên Bái	54.440.000	54.440.000	54.440.000	54.440.000
Công ty TNHH Xây Lắp Cường Lĩnh	-	-	21.641.500	21.641.500
Công ty Cổ phần kiến trúc và nội thất Qualidecor	92.579.000	92.579.000	92.579.000	92.579.000
Công ty TNHH một thành viên Tư vấn điện Miền Bắc	2.750.597	2.750.597	2.750.597	2.750.597
Công ty Cổ phần công nghệ tin học truyền thông và điều khiển	3.517.052	3.517.052	153.517.052	153.517.052
Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng công trình thủy lợi thủy điện	56.789.000	56.789.000	56.789.000	56.789.000
Công ty Cổ phần phát triển năng lượng sạch	30.200.900	30.200.900	30.200.900	30.200.900
Công ty Cổ phần Hội Tụ Số Việt Nam	86.209.903	86.209.903	86.209.903	86.209.903
Công ty TNHH kiểm toán VAE	92.178.880	92.178.880	116.065.280	116.065.280
Hội sở Phía Bắc - Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Toàn Cầu	31.627.000	31.627.000	388.728.600	388.728.600
Trung tâm công nghệ Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Yên Bái	1	1	1	1
Công ty TNHH Công nghệ và xét nghiệm y học	40	40	-	-
Công ty TNHH Đại Bảo Xuân	25.500.000	25.500.000	-	-
	6.586.910	6.586.910	-	-

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a, Phải trả người bán ngắn hạn (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV thí nghiệm điện Miền Bắc	319.341.000	319.341.000	-	-
Công ty Cổ phần phát triển công nghệ DMT Việt nam	248.703.261	248.703.261	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Nhất Nam	1.411.613.342	1.411.613.342	-	-
Công ty TNHH Cơ Điện Đại Dương	1.508.120.900	1.508.120.900	-	-
Trung tâm quan trắc môi trường	34.698.000	34.698.000	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1	53.114.405	53.114.405	-	-
Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại 1-5	117.505.189	117.505.189	-	-
Trung tâm quan trắc và kỹ thuật môi trường Hà Tĩnh	39.932.000	39.932.000	-	-
Công ty Cổ phần TVĐT và thiết kế XD Thanh Hà	79.397.000	79.397.000	-	-
Tổng công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP	84.244.819	84.244.819	-	-
Công nợ từ NEDI 1 chuyển sang:				
Công ty Cổ phần thiết bị thủy lợi	241.235.018	241.235.018	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn HANAKA	56.947.224	56.947.224	-	-
Công ty Cổ phần VN Xây dựng	36.590.590	36.590.590	-	-
Công ty Cổ phần thiết bị thủy điện Hán Long	82.327.944	82.327.944	-	-
Công ty TNHH CNTM Sông Hồng	99.999.370	99.999.370	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại 1-5	36.017.722	36.017.722	-	-
Công ty TNHH Thủy triều	46.742.791	46.742.791	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1	62.873.491	62.873.491	-	-
Công ty Thiện Xuân Thanh Hóa	51.766.374	51.766.374	-	-
Công ty Cổ phần ĐT và xây lắp Sông Đà	144.281.156	144.281.156	-	-
Công ty Cổ phần xây lắp và thương mại Đoàn Tiên	100.641.489	100.641.489	-	-
Công ty Thương mại Giao Thông Nghệ An	35.202.685	35.202.685	-	-
Công ty TNHH TVĐT và TĐ Hà Quảng	34.867.429	34.867.429	-	-
Công ty Cổ phần Cơ giới và XDTH Quảng Bình	418.444.270	418.444.270	-	-
Đoàn điều tra quy hoạch Nông lâm nghiệp Hà Tĩnh	78.098.593	78.098.593	-	-
Công ty Cổ phần đầu tư và PT VINASUCO	62.403.799	62.403.799	-	-
Tổng công ty Sông Đà	1.835.714	1.835.714	-	-

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a, Phải trả người bán ngắn hạn (tiếp theo)				
Công nợ từ NEDI 1 chuyển sang (tiếp theo):				
Công ty Cổ phần đo đạc và khảo sát - XD Đo đạc bản đồ 2	17.500.000	17.500.000	-	-
Xí nghiệp Xây dựng tổng hợp Thạch Ngọc	62.337.699	62.337.699	-	-
Công ty TNHH MTV thí nghiệm điện Miền Bắc	98.043.000	98.043.000	-	-
Công ty Cổ phần tập đoàn vật liệu điện và cơ khí	6.618.232	6.618.232	-	-
Công ty Tư vấn xây dựng điện Miền Bắc	63.673.331	63.673.331	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại và xây lắp Bắc Hà	26.409.659	26.409.659	-	-
Bộ tư lệnh quân khu 4	31.194.512	31.194.512	-	-
Công ty Thương mại quảng cáo Toàn cầu	3.270.300	3.270.300	-	-
Công ty TNHH Vạn Thành	60.000.000	60.000.000	-	-
Công ty Cổ phần thiết bị Thăng Lợi	10.628.171	10.628.171	-	-
Công ty Cổ phần phát triển xây dựng Hoàng Anh Điện lực Tây Hồ	5.976.416	5.976.416	-	-
	5.601.646	5.601.646	-	-
Trung tâm KT lưu trữ địa chính - Hà Tĩnh	48.750.800	48.750.800	-	-
Viện thủy điện và tái tạo năng lượng	98.833.488	98.833.488	-	-
Công ty Việt Bắc - Bộ Quốc Phòng	181.910.300	181.910.300	-	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 7 (XN SĐ 7.05)	231.336.674	231.336.674	-	-
Công ty Cổ phần Lũng Lô 2	60.897.822	60.897.822	-	-
Công ty TNHH Nam Đô	29.207.192	29.207.192	-	-
Công ty TNHH xây dựng Hoàng Ngọc	12.250.000	12.250.000	-	-
Xí nghiệp điện cao thế Miền Bắc	151.716.502	151.716.502	-	-
TCT cơ khí xây dựng - Cty TNHH một thành viên	98.403.271	98.403.271	-	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	159.959.461	159.959.461	-	-
Công ty Cổ phần TV & ĐTXD Thái Nguyên	73.701.000	73.701.000	-	-
Công ty Cổ phần ĐTXD Đông Anh	81.634.968	81.634.968	-	-
Công ty tư vấn xây dựng thủy lợi 1	100.438.804	100.438.804	-	-
Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại 1-5	84.371.009	84.371.009	-	-
Công ty Cổ phần kiểm định kỹ thuật, an toàn và tư vấn XD	23.200.000	23.200.000	-	-

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
b, Phải trả người bán dài hạn (tiếp theo)				
Công nợ từ NEDI 1 chuyển sang:				
Công ty Cổ phần thiết bị thủy lợi	850.000.000	850.000.000	-	-
Công ty Cổ phần thiết bị thủy điện Hán Long	800.000.000	800.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại 1-5	200.000.000	200.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1	400.000.000	400.000.000	-	-
Công ty Thiện Xuân Thanh Hóa	200.000.000	200.000.000	-	-
Công ty Cổ phần xây lắp và thương mại Đoàn Tiến	200.000.000	200.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Cơ giới và XDTH Quảng Bình	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
Đoàn điều tra quy hoạch Nông lâm nghiệp Hà Tĩnh	50.000.000	50.000.000	-	-
Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển VINASUCO	650.000.000	650.000.000	-	-
Xí nghiệp xây dựng tổng hợp Thạch Ngọc	200.000.000	200.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV thí nghiệm điện Miền Bắc	700.000.000	700.000.000	-	-
Công ty Cổ phần thương mại và xây lắp Bắc Hà	480.000.000	480.000.000	-	-
Bộ tư lệnh quân khu 4	80.000.000	80.000.000	-	-
Công ty TNHH Vạn Thành	100.000.000	100.000.000	-	-
Công ty Việt Bắc - Bộ Quốc Phòng	200.000.000	200.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 7 (XN SĐ 7.05)	3.100.000.000	3.100.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Lũng Lô 2	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Xí nghiệp điện cao thế Miền Bắc	1.600.000.000	1.600.000.000	-	-
TCT cơ khí xây dựng - Cty TNHH một thành viên	200.000.000	200.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	2.250.000.000	2.250.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và đầu tư xây dựng Thái Nguyên	100.000.000	100.000.000	-	-
Công ty tư vấn xây dựng thủy lợi 1	40.000.000	40.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây lắp Sông Đà	2.600.000.000	2.600.000.000	-	-
	25.000.000.000	25.000.000.000	7.500.000.000	7.500.000.000

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016		Năm 2016		31/12/2016	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	738.118.840	7.616.156.003	8.354.274.843	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	32.553.486	32.553.486	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	398.798.065	-	-	398.798.065
Thuế thu nhập cá nhân	-	8.585.146	95.451.663	77.621.032	-	26.415.777
Thuế tài nguyên	-	345.976.355	7.910.674.318	7.624.866.910	-	631.783.763
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí dịch vụ môi trường rừng	-	371.017.300	2.071.368.080	1.712.043.140	-	730.342.240
	-	1.463.697.641	18.128.001.615	17.804.359.411	-	1.787.339.845

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Chi phí phải trả

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a, Chi phí phải trả ngắn hạn	8.743.942.215	4.956.497.337
Chi phí lãi vay phải trả	5.102.875.624	4.292.358.500
Trích trước chi phí XDCB hình thành tài sản cố định (Dự án Thủy điện Hồ Hồ)	3.517.794.489	-
Khác	123.272.102	664.138.837
b, Chi phí phải trả dài hạn	12.000.000.000	-
Trích trước chi phí XDCB hình thành tài sản cố định (Dự án Thủy điện Hồ Hồ)	12.000.000.000	-

16. Các khoản phải trả khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	8.238.456.554	1.124.765.490
Kinh phí công đoàn	7.763.674	3.674.468
Bảo hiểm xã hội	-	451.330
Bảo hiểm y tế	-	77.625
Bảo hiểm thất nghiệp	-	34.500
Phải trả vốn góp cho các chủ sở hữu của NEDI 1 (ii)	629.604.000	-
Phải trả khác	1.111.527.567	1.120.527.567
- Giá trị bồi thường bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm xây lắp	1.110.263.608	1.110.263.608
- Khác	1.263.959	10.263.959
Công nợ từ NEDI 1 chuyển sang:		
Kinh phí công đoàn	30.008.688	-
Phải trả khác:		
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nho Quế (i)	1.536.686.196	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mức (i)	1.214.707.009	-
- Tổng Công ty Sông Đà	3.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đấu giá Việt Nam	7.181.818	-
- Phải trả lãi vay ngân hàng BIDV	667.394.338	-
- Khác	33.583.264	-
b) Dài hạn	113.720.505.292	95.000.000
Phải trả lãi vay ngân hàng BIDV (iii)	113.630.505.292	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	90.000.000	95.000.000
	121.958.961.846	1.219.765.490

(i) Công nợ phải trả là giá trị sau khi bù trừ giữa số liệu phải thu khi chuyển nhượng dự án liên quan đến phần đã thanh toán cho nhà thầu, chi phí quản lý phân bổ cho dự án và số tiền đã thu hồi, vay mượn của hai Công ty này.

(ii) Khoản góp vốn từ các cán bộ trong NPC theo Công văn huy động vốn số 3546/LT-DDL1-CD của NPC ngày 21/08/2006 với tổng số tiền là 5.700.000.000 VND. Theo đó, sau khi

hoàn thành đầu tư xây dựng nhà máy, số vốn góp của người góp vốn sẽ được chuyển thành cổ phiếu phổ thông có giá trị như cổ phiếu của cổ đông sáng lập. Tuy nhiên, theo thông báo số 522/TB-EVN NPC ngày 05/02/2016, Tổng Công ty điện lực miền Bắc chỉ đạo NEDI 1 cần rà soát, đối chiếu lại thông tin cụ thể của các cổ đông thể nhân để trả lại số vốn đã góp này. Đến thời điểm 31/12/2016, NEDI 1 đã hoàn trả được 5.070.396.000 VND cho các đối tượng góp vốn bằng hình thức trả tiền và bù trừ công nợ.

- (iii) Chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng vay số 03/2006/HDDTD-DH. Do khó khăn về tài chính nên Công ty không thể thực hiện thanh toán theo lịch trả nợ theo hợp đồng gốc đã ký (Vấn đề tồn tại trước sáp nhập của NEDI 1). Theo đó, ngân hàng đã có biên bản làm việc ngày 28/03/2014 quy định các khoản lãi đã và sẽ phát sinh không phải chịu lãi suất và được cơ cấu trả nợ đến hết quý 4 năm 2028.

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	142.996.136.016	-	(10.966.409.633)	132.029.726.383
Lãi trong kỳ	-	-	15.141.872.230	15.141.872.230
Tại ngày 31/12/2015	142.996.136.016	-	4.175.462.597	147.171.598.613
Tại ngày 01/01/2016	142.996.136.016	-	4.175.462.597	147.171.598.613
Tăng vốn (*)	92.400.000.000	-	-	92.400.000.000
Lãi trong kỳ này	-	-	7.591.044.553	7.591.044.553
Thặng dư vốn cổ phần (**)	-	14.922.600.000	-	14.922.600.000
Phân phối lợi nhuận (***)	-	-	(4.175.462.597)	(4.175.462.597)
Tại ngày 31/12/2016	235.396.136.016	14.922.600.000	7.591.044.553	257.909.780.569

(*) Công ty phát hành 9.240.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/CP để thanh toán giá trị hợp lý tài sản thuần của NED11 sáp nhập trong năm.

(**) Chênh lệch giữa giá phát hành 9.240.000 cổ phiếu theo mệnh giá cổ phiếu (10.000 VND/CP) nhỏ hơn giá trị hợp lý (11.615 VND/CP) được xác định bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) trình bày trong phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn và Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện miền Bắc 1.

(***) Theo Nghị quyết số 02/NQ-HB-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn ngày 26/04/2016, Đại hội thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 số tiền 4.175.462.597 VND, chi tiết như sau:

	VND
1 Quý phúc lợi	492.000.000
2 Quý khen thưởng	492.000.000
3 Quý khen thưởng Người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên	110.000.000
4 Chi trả cổ tức	3.081.462.597
	<u>4.175.462.597</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	Tỷ lệ	01/01/2016	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty điện lực Miền Bắc	219.120.000.000	93,09%	139.500.000.000	97,56%
Công ty CP Đầu tư xây dựng và chuyển giao công nghệ	300.000.000	0,13%	300.000.000	0,21%
Dư Cao Minh (*)	3.196.136.016	1,36%	3.196.136.016	2,24%
Tổng công ty Sông Đà	2.160.000.000	0,92%	-	0,00%
Công ty XNK Bình Minh	10.620.000.000	4,51%	-	0,00%
	<u>235.396.136.016</u>	<u>100%</u>	<u>142.996.136.016</u>	<u>100%</u>

(*) Đại diện phần vốn góp của cán bộ công nhân viên Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc

18. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán điện - Hồ Bốn	96.846.163.511	84.366.157.449
Doanh thu bán điện - Hồ Hô	28.047.678.083	-
	<u>124.893.841.594</u>	<u>84.366.157.449</u>

19. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân công	4.363.335.296	2.934.327.927
Chi phí vật liệu	575.863.897	396.411.602
Chi phí dụng cụ sản xuất	71.228.600	-
Chi phí khấu hao	59.769.736.092	22.732.827.325
Thuế, phí, lệ phí	9.984.277.898	6.533.768.362
Chi phí sản xuất chung	3.241.873.685	1.737.700.452
Chi phí mua ngoài	363.476.011	228.554.325
Chi phí bằng tiền	2.976.793.444	2.777.367.726
Chi phí khác	548.622.126	232.698.000
	81.895.207.049	37.573.655.719

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	198.909.127	111.937.469
Lãi chênh lệch tỷ giá	13.823	2.602.373
	198.922.950	114.539.842

21. Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	28.337.668.599	24.607.937.900
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	5.257.912	1.330.110.265
	28.342.926.511	25.938.048.165

Chi phí lãi vay chưa bao gồm các khoản lãi vay phải trả theo các hợp đồng vay vốn với Công ty Cổ phần Da Giày và Công ty TNHH SXKD XNK Bình Minh. Tổng số tiền chưa được ghi nhận đến 31/12/2016 theo ước tính là 5.393.087.444 VND.

2017
CỘNG
HỢC NH
HANG K
A/
DANK

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.108.688.726	3.321.134.098
Chi phí vật liệu quản lý	181.754.970	151.348.357
Chi phí dụng cụ quản lý	491.940.893	128.855.113
Chi phí khấu hao tài sản cố định	329.841.996	110.322.386
Thuế phí và lệ phí	309.712.003	51.118.924
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.673.589.236	768.595.444
Chi phí bằng tiền khác	1.336.314.054	1.166.916.855
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	169.781.811	129.520.000
	8.601.623.689	5.827.811.177

23. Thu nhập khác

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thưởng đã có thành tích chấp hành tốt chính sách thuế	-	690.000
Thưởng đã có thành tích chấp hành tốt chính sách dịch vụ môi trường rừng năm 2011- 2015	2.420.000	-
Phải thu khoản bán vật tư thanh lý	14.625.000	-
Thu nhập từ bất lợi thương mại khi sáp nhập Nedi 1 (*)	1.993.990.323	-
	2.011.035.323	690.000

(*) Phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh của việc phát hành 9.240.000 cổ phiếu với giá trị hợp lý 11.615 VND/CP và giá trị hợp lý tài sản thuần của NEDI1 tại thời điểm sáp nhập.

24. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được tính tương ứng với Thu nhập khác là bất lợi thương mại khi sáp nhập NEDI1 (Thuyết minh 23*) theo thuế suất hiện hành 20%

25. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

26. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:



Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Mua hàng - Giá trị xây dựng cơ bản			
Công ty Lưới điện cao thế Miền Bắc	Công ty con thuộc NPC	-	228.641.000
Mua hàng - Hệ thống công nghệ thông tin			
Công ty Công nghệ thông tin điện lực Miền Bắc	Công ty con thuộc NPC	19.800.000	48.968.153
Bán điện			
Tổng công ty điện lực Miền Bắc	Công ty Mẹ	124.893.841.594	84.366.157.449

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải trả			
Công ty Công nghệ thông tin điện lực Miền Bắc	Công ty con thuộc NPC	19.800.000	48.968.153
Công ty Điện Lực Yên Bái	Công ty con thuộc NPC	-	21.641.500
Công ty TNHH một thành viên Tư vấn điện Miền Bắc	Công ty con thuộc NPC	153.517.052	153.517.052
Phải thu			
Tổng công ty điện lực Miền Bắc	Công ty Mẹ	15.674.404.221	9.143.586.840

Thu nhập của ban giám đốc trong năm như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lương Ban giám đốc	631.358.447	730.619.571
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	180.000.000	244.000.000
	811.358.447	974.619.571



27. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính này đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 22 tháng 02 năm 2017.



Vũ Mạnh Hùng
Giám đốc

Bùi Thanh Sơn
Kế toán trưởng



Yên Bái, ngày 22 tháng 02 năm 2017

